**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN NGHI LỘC**
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phùng Thị Hương Giang
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Đình Thư
2. Ông Bùi Sỹ Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Có mặt).
- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1993
Nơi cư trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau thời gian kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần hai năm thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tuấn không chịu khó làm ăn, không quan tâm yêu thương vợ con, trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp, nên thường xuyên xảy ra xung đột, gây gỗ, cãi vã lẫn nhau. Hiện tại chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị và anh T đã sống ly thân nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thanh Trúc A, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2020. Hiện con chung đang chung sống với ông bà nội và anh Tuấn. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai hay ý kiến gì của anh Tùng trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh Trúc A, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2020 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh Nguyễn Duy T nên được xác định là quan hệ tranh chấp "Hôn nhân gia đình". Bị đơn anh Nguyễn Duy T có nơi cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn thấy rằng: Hôn nhân giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến, lời trình bày của nguyên đơn, người làm chứng là ông Nguyễn Duy T (Cha đẻ anh T) về tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn thì có căn cứ để xác định: Chị N và anh T đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không có kết quả nên tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình trốn tránh, không đến Tòa làm việc và hòa giải, không trình bày ý kiến, quan điểm gì, chứng tỏ anh T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử cần xử cho chị N được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Thanh Trúc A, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2020. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng với ông bà nội và anh T, tuy nhiên do anh T không đến tòa để thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi con chung của chị N là hoàn toàn chính đáng, hơn nữa con chung còn dưới 36 tháng tuổi. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy cần giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51; điều 56; điều 81, 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Duy T

- Về việc nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Thanh Trúc A, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2020 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng, nên không giải quyết.

- Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005063 ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- VKSND H. Nghi Lộc;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Nghi Lộc;
- UBND xã Nghi Long;
- UBND xã Nghi Trường;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘi ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Hương Giang**